

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 25-3-2012  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Công Định;
2. Ông Nguyễn Đức Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, t/c về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 27a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn anh **Vũ Ngọc G** – Sinh năm 1989

Địa chỉ: Đội 11, thôn N, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L** – Sinh năm 1993

Nguyên quán: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 11, thôn Nh, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại Đài Loan – Trung Quốc. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn X – Sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Ngọc Gi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An S, huyện N, tỉnh Hải Dương, ngày 03/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau. Năm 2013 chị L đi nước ngoài lao động, năm 2015 về nước. Anh G mong muốn chị L ở Việt Nam làm ăn, cùng nuôi dạy con cái nhưng chị không đồng ý mà lại tiếp tục đi nước ngoài lao động cho đến nay chưa về, dẫn đến vợ chồng càng mâu thuẫn. Từ lâu vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai. Nay anh Gi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 20/11/2012 hiện đang ở với anh G. Anh G đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị Lý phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn X thể hiện: Chị L hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), gia đình không biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh Giang và chị L là do vợ chồng không hòa hợp, không có sự tôn trọng nhau, thường đánh cãi nhau. Từ lâu vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nay anh G có đơn ly hôn, gia đình ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị L được nuôi con thì gia đình ông nhất trí tạm nuôi cháu trong thời gian chị L ở nước ngoài. Gia đình ông X cũng thường xuyên liên lạc với chị Lý qua điện thoại và đã thông báo cho chị Lý biết việc anh Giang khởi kiện ly hôn. Chị Lý có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung, chị Lý đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh G phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chị L ở nước ngoài có ủy quyền cho ông X tạm nuôi con của chị. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi anh G, chị L đăng ký kết hôn và sinh sống, thể hiện: Trong thời gian sinh sống với nhau do vợ chồng không hòa hợp, không thống nhất được việc làm ăn kinh tế nên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng không có sự tin tưởng, chia sẻ, quan tâm tới nhau. Nay anh G có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa. Anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên đối với yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý

vụ án đến thời điểm xét xử, nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS, bị đơn vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Vũ Ngọc G ly hôn chị Nguyễn Thị L; Về con chung: Giao con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 20/11/2012 cho anh Giang chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh G tự nguyện không yêu cầu chị Lý phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Ngọc G sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị L có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn N, xã A, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh G và gia đình chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình ông X vẫn thường xuyên liên lạc với chị L nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo việc anh G đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho chị L biết. Tại phiên tòa, anh G, chị L vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Ngọc G và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong quan hệ hôn nhân và trong việc làm ăn kinh tế, dẫn đến thường cãi nhau. Mặc dù cũng đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Thông qua gia đình, chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh G và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh G ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Anh Vũ Ngọc G và chị Nguyễn Thị L có con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 20/11/2012, hiện đang ở với anh G. HĐXX xét thấy con chung đã sinh sống ổn định tại gia đình anh G từ lâu, anh G lao động tự

do, có sức khỏe, có thu nhập nên đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Chị L có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên hiện chị đang sinh sống, lao động ở nước ngoài nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu có căn cứ cho rằng anh G không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị L có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh G và chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh Vũ Ngọc G là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Vũ Ngọc G** ly hôn chị **Nguyễn Thị L**

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho anh Vũ Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Khánh Vi, sinh ngày 20/11/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Ngọc G không yêu cầu chị Nguyễn Thị L phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Nguyễn Thị L thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Vũ Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004260 ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương(để ghi sổ hộ tịch);
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**